

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2024

V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Minh Chiến;
- Ông Hồ Xuân Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1983 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số D Đ, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D Đ, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Mai Văn T tìm hiểu nhau khoảng một năm. Cả hai tự nguyện tổ chức lễ cưới vào ngày 02 tháng 9 năm 2002 âm lịch nhưng đến ngày 09 tháng 8 năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A (nay là phường N, thị xã

A), tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh T tại số D Đ, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Chị làm công nhân may, anh T làm nghề thợ hồ. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ khi xây nhà ở riêng năm 2007 đến nay. Nguyên nhân vì kinh tế gia đình khó khăn, anh T thường xuyên gây sự ròi kình cãi, đánh chị nhiều lần và đánh cả hai người con gái. Cuối năm 2022 thì chị không thể sống chung với anh T được nữa nên chị vào Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân may. Khoảng tháng 7 năm 2023 anh T đánh hai người con gái, Công an phường N đến nhà can thiệp. Đến tháng 8 năm 2023, chị làm công nhân may bị thất nghiệp nên chị đến Ninh Thuận làm thuê, chị đưa con gái nhỏ tên M Nguyễn Huyền L vào Ninh Thuận ở với chị, hiện cháu đang học lớp 9 Trường trung học cơ sở Đ, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên chị yêu cầu giải quyết ly hôn.

Chị và anh T có hai người con chung gồm: Mai Nguyễn Ngân H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004 và Mai Nguyễn Huyền L1, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009. Hiện tại người con Mai Nguyễn Ngân H đã thành niên và có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu giải quyết. Cháu M Nguyễn Huyền L1 đang ở với chị. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Mai Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa trình bày lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Mai Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn Huyền L1, sinh ngày 28/3/2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Mai Văn T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Mai Nguyễn Ngân H, sinh ngày 29/9/2004 đã đủ tuổi thành niên nên miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Mai Văn T có địa chỉ cư trú tại D Đ, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Chị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[3] Anh T mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Chị D và anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 8 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường N. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T biết chị D yêu cầu ly hôn nhưng không phản đối bằng văn bản và giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh T đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị D. Mặt khác, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc chị D và anh T tự chấm dứt cuộc sống chung làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ chấp nhận.

[5] Chị D và anh T có hai người con chung gồm: Mai Nguyễn Ngân H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004 và Mai Nguyễn Huyền L1, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009. Hiện tại người con Mai Nguyễn Ngân H đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu M Nguyễn Huyền L1 đang ở với chị D và có nguyện vọng tiếp tục ở với chị D khi chị D và anh T ly hôn. Xét thấy việc giao cháu L1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu L1, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị D là có căn cứ chấp nhận. Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu L1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 96; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với anh Mai Văn T.

2. Giao người con chung Mai Nguyễn Huyền L1, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Mai Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005162 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện KSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Phòng KTNV & THA
TAND tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân phường Nhơn Thành
(Giấy CNKH số 91 ngày 09/8/2005);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh